

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/8/2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;

2/. Bà Dương Thị Tú Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 223/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị S1 và anh L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Thị S trình bày: Chị với anh Trần Văn L làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh chưa có con chung, không có con nuôi. Về tài sản chung, nợ chung chị và anh không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh L, Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L có lời khai trình bày: Anh với chị Dương Thị S1 làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, còn ngày tháng thì không nhớ, có

đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị chưa có con chung, không có con nuôi. Về tài sản chung, nợ chung anh và chị không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Dương Thị S, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị S, cho chị S được ly hôn với anh Trần Văn L.

- + Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

- + Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị S khởi kiện anh Trần Văn L về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị S, anh L có đơn xin vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt chị S, anh L là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị S, anh Trần Văn L xác định, chị và anh có làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị S và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị S yêu cầu ly hôn với anh L, về phía anh L đồng ý ly hôn với chị S. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị S, cho chị S được ly hôn với anh Trần Văn L.

[3] Về con chung: không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị S, cho chị S được ly hôn với anh Trần Văn L.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Dương Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006921 ngày 17 tháng 6 năm 2024 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh Trần Văn L không phải nộp án phí.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn